

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 14/6/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luân

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hồ My

- Bà Y Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum; thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa: Ông Tạ Đình Hà - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1969 tại xã N Điền, huyện C, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn 16/5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Trần Thị T; sinh năm 1970 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 01 năm 2018 cho đến nay, ngày 14 tháng 6 năm 2018 (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Trần Thị T; sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn 16/5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa)

+ Nguyễn Văn T; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn 16/5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

+ Dương Hoàng Thế M; sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Văng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/01/2018, Hoàng Văn T gọi điện thoại cho một người tên Th (người này; T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, chỉ biết là ở thị trấn P, huyện N) để hỏi mua ma túy với số tiền 1.000.000 đồng nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Sau khi thống nhất địa điểm giao hàng, T điều khiển xe mô tô BKS 82N1-015.26 đi về hướng huyện N, khi đi đến địa phận xã Đ huyện N gần cửa hàng xăng dầu, T và Th gặp nhau giao tiền và nhận ma túy. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T quay về thị trấn Đ, trên đường về T ghé vào một ngôi nhà bỏ không ở bên đường để sử dụng ma túy và phân ma túy ra thành bốn gói nhỏ để cho dễ sử dụng rồi tiếp tục đi về. Khi đến thôn B, xã Đ, huyện Đ, T bị tổ công tác của Công an huyện Đăk Glei yêu cầu dừng xe để tiến hành kiểm tra. Lúc này tổ công tác phát hiện bên tay trái của T cầm một bì ni lông nhỏ nghi là ma túy, ngay lúc đó bì ni lông T cầm trên tay rơi xuống đất ngay tại vị trí T dừng xe, tổ công tác đã thu giữ ngay và đưa người cùng tang vật, phương tiện đến trụ sở Công an xã Đ huyện Đ để tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glei ra quyết định trưng cầu giám định số: 08 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum giám định số mẫu vật đã thu được nghi là chất ma túy. Ngày 19/01/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum có Kết luận giám định số: 26/GĐTP-2018, kết luận: Mẫu bột gửi giám định là ma túy, có khối lượng đã trừ bì: 0,4827 gam, là loại Heroin. Hoàn trả lại đối tượng giám định: 0,4145 gam.

Người bán ma túy cho T, (tại BL số 33, 46) cơ quan Điều tra không xác định được đối tượng tên là Th và cơ quan Điều tra Công an huyện Đăk Glei đã chuyển thông tin tội phạm cho Công an huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về xử lý tang vật và án phí: Căn cứ quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử; tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô

BKS 82N1-015.26; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn T, số 000445, do Công an cấp ngày 09/3/2012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng vàng có số thuê bao 0962288702; vì các tài sản này là phương tiện dùng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo các tài sản không liên quan đến vụ án theo biên bản thu giữ tang vật có trong hồ sơ vụ án; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo công nhận ngày 17/01/2018 bị cáo một mình điều khiển xe mô tô BKS 82N1-015.26 đi xuống xã Đắk Dục huyện Ngọc Hồi để mua ma túy của một người tên là Th với số tiền 1.000.000 đồng. Trên đường quay về thị trấn Đ, bị cáo bị tổ công tác của Công an huyện Đắk Glei yêu cầu dừng xe để tiến hành kiểm tra; bị cáo công nhận gói ni lông có chứa ma túy rơi xuống đất ngay tại vị trí dừng xe của bị cáo mà công an thu giữ được đúng là gói ma túy mà bị cáo đã mua. Bị cáo mua ma túy mục đích là để sử dụng cho bản thân. Bị cáo xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cũng thấy tác hại của ma túy và đã cố gắng hạn chế sử dụng, đang quyết tâm từ bỏ ma túy.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Bà Trần Thị T trình bày: Sáng ngày 17/01/2018, anh T có nói với tôi đưa giấy tờ xe mô tô BKS 82N1-015.26 để anh đi có công việc nhưng lúc này tôi đang bận làm việc nhà, chưa đưa giấy tờ thì anh T điều khiển xe đi. Việc chồng tôi dùng xe mô tô BKS 82N1-015.26 của gia đình đi mua ma túy tôi hoàn toàn không biết vì ở nhà tôi chưa bao giờ thấy T sử dụng hay nghiện ma túy. Chiếc xe mô tô BKS 82N1-015.26 là do tôi mua trả góp nhưng do không biết đi xe nên tôi để chồng tôi đứng tên trong giấy tờ. Chiếc xe là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, để đưa đón con đi học. Bản thân tôi cũng không có việc làm ổn định, các con còn đang đi học, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi xin Hội đồng xét xử trả lại cho gia đình tôi xe mô tô nói trên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glei, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận; về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội: Vào Khoảng hơn 10 giờ sáng ngày 17/01/2018 trên đường Hồ Chí Minh tại địa bàn thôn B, xã Đ, huyện Đ; T bị tổ công tác của Công an huyện Đăk Glei thu giữ một gói ma túy, đã trừ bì có khối lượng 0,4827 gam (Bốn phẩy tám hai bảy gam), là loại chất Heroin; số ma túy này là của Hoàng Văn T. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận việc tàng trữ trái phép chất ma túy là nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội bị cáo phạm phải, là tội phạm nghiêm trọng, có khung hình phạt đến 07 (bảy) năm tù, theo quy định tại Điều 9 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý hàng cấm của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Ma túy là một loại độc dược gây nghiện, khi sử dụng nó sẽ làm cho con người bị lệ thuộc và mất đi nhân cách, là nguyên nhân gây ra sự suy thoái về đạo đức xã hội và phát sinh các tội phạm khác. Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Nên cần xử cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của gia đình, cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và để bị cáo cai nghiện là cần thiết; thời gian cách ly bị cáo phải đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện là bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; thấy cần cho bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; làm cho bị cáo thấy được sự đúng lý, đạt tình của pháp luật mà yên tâm phấn đấu cải tạo cho tốt, sẽ có điều kiện sớm được trở về đoàn tụ với gia đình trở thành người chồng, người cha tốt và trở thành công dân gương mẫu.

[5] Hội đồng xét xử thấy; cần chấp nhận mức án khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nêu tại bản luận tội là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu

nhập ổn định, là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích kiếm lời. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo trả 1.000.000 đồng bị cáo mượn của T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 26/GĐTP-2018”, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ *CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có các chữ ký ghi tên Nguyễn hàn Ni ở mép gián; bên trong là số Heroin (vật chứng còn lại sau giám định) có khối lượng 0,4145 gam là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu trắng vàng, phía trước màn hình đã bị nứt, vỡ một góc, đã qua sử dụng (kèm theo 01 sim điện thoại di động có số thuê bao 0962288702), bị cáo đã dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; là phương tiện phạm tội, hiện đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 xe mô tô BKS 82N1-015.26, nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu xanh trắng, số khung RLCE55P10CY069630, số máy 55P1-069641, đã qua sử dụng, bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy. Quá trình điều tra, xác định đây là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng chị Trần Thị T, Hoàng văn T; chị T là người đứng ra mua trả góp xe mô tô nói trên; xe mô tô là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, chị T không biết T dùng xe đi mua ma túy; mặt khác, cáo trạng truy tố bị cáo về tội tàng “Trữ trái phép chất ma túy” không phải tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và T không cất giấu ma túy ở trong xe mô tô; bị cáo mua ma túy chỉ để sử dụng không nhằm mục đích mua bán kiếm lời; nên không có đủ cơ sở để kết luận xe mô tô BKS 82N1-015.26 là phương tiện phạm tội. Vì vậy không có cơ sở để chấp yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô BKS 82N1-015.26.

Hiện gia đình bị cáo đề nghị xin lại chiếc xe mô tô, nên xét thấy cần trả lại cho gia đình bị cáo xe mô tô BKS 82N1-015.26 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn T, số 000445, do Công an cấp ngày 09/3/2012. Chị Trần Thị T được quyền nhận lại xe mô tô BKS 82N1-015.26 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn T nói trên từ cơ quan đang quản lý xe.

01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hoàng Văn T, số AĐ403261; 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Hoàng văn T, số 620138004228; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn T, số 233119934 do Công an tỉnh Kon Tum cấp; 05 tờ tiền Polime có mệnh giá mỗi tờ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) thu của bị cáo Hoàng Văn T là các loại giấy tờ cá nhân của bị cáo, là tiền của gia đình đưa cho bị cáo để đi nộp tiền điện; xét thấy, đây là giấy tờ, tài sản không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 17 tháng 01 năm 2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản; lập hồi 16 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk GLei, được ban hành kèm theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk GLei tỉnh Kon Tum; **Tuyên:**

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng, gồm: Số lượng chất Heroin (vật chứng còn lại sau giám định); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng vàng, kèm theo 01 sim điện thoại di động có số thuê bao 0962288702.

Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô BKS 82N1-015.26; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe hạng A1 (mô tô) mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 (ô tô) mang tên Hoàng văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn T; 05 tờ tiền Polime có mệnh giá mỗi tờ 100.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Chị Trần Thị T được quyền thay mặt bị cáo nhận lại xe mô tô BKS 82N1-015.26 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn T nói trên từ cơ quan đang quản lý xe.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nói trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glei;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glei;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS-VA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hữu Luân